



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 22.../HEID-CV
V/v: Giải trình chênh lệch tăng LNST
của quý 4/2014 so với quý 4/2013

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2015

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (HEID) đã có Báo cáo tài chính hợp nhất quý 4/2014 gửi lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Tuy nhiên một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của quý 4/2014 có tăng hơn so với quý 4/2013 (chênh lệch trên 10%). Vì vậy, Công ty chúng tôi làm công văn này xin giải trình đến Quý Sở cụ thể như sau:

- Quý 4 hàng năm thường các công ty sẽ thực hiện rà soát và điều chỉnh những chi phí thực tế phát sinh đã tạm trích, trong đó có khoản thuế TNDN tạm tính hàng quý. Do đó, quý 4/2014 Công ty có điều chỉnh giảm khoản thuế TNDN do trích thừa (khoản lợi tức không phải nộp thuế TNDN).
- Ngoài ra do dòng sản phẩm năm nay công ty phát hành muộn, do đó doanh thu dòng sản phẩm của năm 2014 phát sinh vào quý 4/2014, còn năm 2013 lại phát sinh vào quý 3/2013.

Từ những lý do trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế của quý 4/2014 cao hơn so với quý 4/2013 sấp xỉ 796 triệu đồng.

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BTGD, KTT, BKS Công ty
- Lưu HC

**KT. CHỦ TỊCH HĐQT
PHÓ CT HĐQT TỔNG GD CÔNG TY**





NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
CT CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : ...38.../HEID-CV
V/v: Công bố BCTC hợp nhất quý IV năm 2014

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

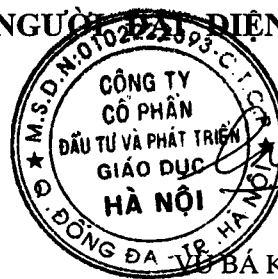
1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ trụ sở chính: 187B Giảng Võ – Cát Linh- Đống Đa – Hà Nội
4. Điện thoại: 0.4.35123939 – Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Bá Khánh (Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính hợp nhất quý IV năm 2014 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (được lập ngày 12/02/2015).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu THHC

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



VŨ BÁ KHÁNH

CÔNG TY: CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC HÀ NỘI
 Địa chỉ: 187B Giảng Võ - Cát Linh - Đống Đa- Hà Nội
 Tel: .0.4.35123939 Fax: 0.4.35123838

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Quý 4 năm tài chính 2014

Mẫu số: B02-DN

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ IV NĂM 2014

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý IV năm 2014	Quý IV năm 2013	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	52,915,724,761	47,812,533,691	380,842,398,640	386,424,640,515
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		760,530,884	2,594,502,761	6,188,144,958	4,867,500,726
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		52,155,193,877	45,218,030,930	374,654,253,682	381,557,139,789
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	45,594,983,787	41,307,559,771	282,205,051,666	295,120,679,051
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		6,560,210,090	3,910,471,159	92,449,202,016	86,436,460,738
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	988,916,133	655,277,729	1,317,199,402	1,051,146,087
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	1,251,127,421	-621,189,068	8,214,981,590	7,809,413,058
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,250,664,321	1,207,896,001	6,221,659,380	7,424,933,333
8. Chi phí bán hàng	24		3,925,427,608	4,965,052,303	32,173,929,031	28,621,793,623
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1,067,563,531	4,013,429,382	17,146,665,143	17,486,882,797
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (24+25))	30		1,305,007,663	-3,791,543,729	36,230,825,654	33,569,517,347
11. Thu nhập khác	31		237,714,470	10,184,511,311	237,714,470	10,199,093,711
12. Chi phí khác	32		422,755,828	5,332,001,231	479,146,702	5,363,277,240
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		-185,041,358	4,852,510,080	-241,432,232	4,835,816,471
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		331,808,843	0	1,450,603,573	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		1,451,775,148	1,060,966,351	37,439,996,995	38,405,333,818
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	343,049,818	748,260,667	8,112,088,056	4,865,306,360
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		1,108,725,330	312,705,684	29,327,908,939	33,540,027,458
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70					
			76	21	2,013	2,302

Kế toán trưởng



Dương Thị Việt Hà



Ngày 29 tháng 02 năm 2015

Tổng Giám đốc



Vũ Thị Khánh

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		209,580,500,418	177,047,177,768
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		49,219,443,206	22,745,846,170
1. Tiền	111	V01	29,219,443,206	9,745,846,170
2. Các khoản tương đương tiền	112		20,000,000,000	13,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16,503,900	8,989,900
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V02	118,776,400	118,776,400
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-102,272,500	-109,786,500
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		61,459,418,932	62,262,573,595
1. Phải thu khách hàng	131		38,578,449,193	37,143,661,851
2. Trả trước cho người bán	132		23,395,750,939	24,683,932,340
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135	V03	5,027,896,974	5,509,633,742
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-5,542,678,174	-5,074,654,338
IV. Hàng tồn kho	140		87,271,455,894	75,283,250,597
1. Hàng tồn kho	141	V04	90,218,045,700	81,778,417,598
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-2,946,589,806	-6,495,167,001
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,613,678,486	16,746,517,506
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11,068,958,433	15,405,049,896
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		111,688,435	856,330,110
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V05	225,031,618	7,843,000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		208,000,000	477,294,500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		132,758,909,801	122,434,377,728
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4,100,000,000	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V06	0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	V07	4,100,000,000	0
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		5,148,497,092	3,345,598,227
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V08	607,485,274	920,648,227
- Nguyên giá	222		3,742,595,211	3,742,595,211
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-3,135,109,937	-2,821,946,984
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V09	0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	V10	0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V11	4,541,011,818	2,424,950,000
III. Bất động sản đầu tư	240		77,647,852,118	81,137,643,218
- Nguyên giá	241		87,244,777,643	87,244,777,643
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-9,596,925,525	-6,107,134,425
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		18,501,508,408	16,626,169,961
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13,751,508,408	11,876,169,961
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V13	4,750,000,000	4,750,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		8,767,072,728	175,172,667
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V14	8,727,272,728	135,372,667
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V21	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		39,800,000	39,800,000
VI. Lợi thế thương mại	269		18,593,979,455	21,149,793,655
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		342,339,410,219	299,481,555,496
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		135,995,472,663	99,537,085,392

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Nợ ngắn hạn	310		134,120,253,118	87,731,561,847
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V15	88,858,069,358	54,425,076,734
2. Phải trả người bán	312		30,094,182,360	23,410,631,577
3. Người mua trả tiền trước	313		50,323,105	682,021,267
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V16	2,162,797,156	703,285,843
5. Phải trả người lao động	315		3,687,511,979	3,888,726,873
6. Chi phí phải trả	316	V17	3,878,550,201	2,656,004,108
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V18	673,247,231	1,595,019,691
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		4,715,571,728	370,795,754
II. Nợ dài hạn	330		1,875,219,545	11,805,523,545
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		1,722,205,000	1,652,509,000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V20	0	10,000,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		153,014,545	153,014,545
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		206,343,937,556	199,944,470,104
I. Vốn chủ sở hữu	410		206,343,937,556	199,944,470,104
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150,000,000,000	150,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24,166,950	24,166,950
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	414		-3,200,876,950	-3,200,876,950
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9,039,091,479	7,062,829,000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		19,971,459,413	13,721,825,214
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		10,270,524,238	7,166,600,347
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20,239,572,426	25,169,925,543
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	432	V22	0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		342,339,410,219	299,481,555,496
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG			0	0
1. Tài sản thuê ngoài	01		0	0
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		0	0
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		0	0
5. Ngoại tệ các loại	05		0	0
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		0	0

Kế toán trưởng



Dương Thị Việt Hà



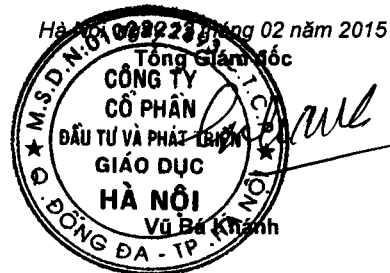
DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT - QUÝ 4/2014

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế năm 2014	Lũy kế năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		310,399,667,130	320,046,077,163
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-251,838,610,030	-258,993,932,814
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-18,485,282,120	-17,696,491,068
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-6,017,028,881	-7,451,859,030
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-8,168,690,425	-1,139,078,732
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6,962,871,659	11,686,168,817
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-13,167,351,055	-13,505,288,997
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19,685,576,278	32,945,595,339
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			0	0
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-2,116,061,818	-1,494,863,727
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-2,800,000,000	-9,243,750,000
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		302,949,402	1,098,396,087
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-4,613,112,416	-9,640,217,640
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			0	0
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		205,912,126,609	199,703,587,219
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-181,479,133,985	-195,657,536,381
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-13,031,859,450	-27,328,980,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11,401,133,174	-23,282,929,162
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		26,473,597,036	22,448,537
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22,745,846,170	22,723,397,633
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		49,219,443,206	22,745,846,170

Kế toán trưởng



Dương Thị Việt Hà



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2014 đến 31/12/2014

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 VND. Tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty con

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	K3B, Ngõ 6A, Phố Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Công ty có các công ty liên kết sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Sách - TBTH Hà Tây	Hà Nội	Kinh doanh sách, thiết bị trường học
Công ty CP Sách dịch và Từ điển GD	Hà Nội	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 3: Mã số doanh nghiệp số 01022222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 09 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- In và các dịch vụ liên quan đến in;
- In và phát hành hỗ trợ sách giao khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Dịch vụ tư vấn, đầu tư, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giáo dục đào tạo, tư vấn du học, lập dự án đào tạo;
- Khai thác, cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo qua mạng internet, qua các phương tiện viễn thông;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, khu đô thị;
- Quản lý, vận hành công trình dân dụng, công nghiệp, nhà ở, khu văn phòng, khu đô thị, khu chung cư, khu công nghiệp, khu du lịch, trung tâm thương mại (không bao gồm kinh doanh bất động sản);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty con này.

Báo cáo tài chính của Công ty con được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.5. Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

2.8. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

2.9. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với các quy định của Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|----------------------------|-------------|
| • Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| • Thiết bị dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

2.10. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

2.12. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn
- Chi phí bảo hiểm tài sản
- Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh lớn trong điều kiện doanh nghiệp không có lãi.
- Các chi phí hoạt động gắn liền với hợp đồng cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kì kế toán.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Theo hướng dẫn của Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 thì phần thu nhập của Công ty có được từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản sẽ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động. Đồng thời, tại Công văn số 6833/BTC-CST ngày 29/05/2013 của Bộ Tài chính về thuế TNDN đối với hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản thì các đơn vị thành viên của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam có thu nhập từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản bằng việc thực hiện các công đoạn hoặc từng công đoạn của hoạt động xuất bản thì khoản thu nhập này được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10%.

Tuy nhiên, theo hướng dẫn của Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 hướng dẫn thi hành nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và Hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính 2014 thì phần thu nhập nêu trên của Công ty chịu mức thuế suất 22%

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/10/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	557,055,923	521,721,149
Tiền gửi ngân hàng	28,662,387,283	8,366,412,106
Các khoản tương đương tiền	20,000,000,000	-
	<u><u>49,219,443,206</u></u>	<u><u>8,888,133,255</u></u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/10/2014
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn ⁽¹⁾	118,776,400	118,776,400
Đầu tư dài hạn khác		
- Cho Nhà Xuất bản Giáo dục vay		
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	(102,272,500)	(101,809,400)
	16,503,900	16,967,000

	Cuối kì		Đầu kì	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		118,776,400		118,776,400
- LSS	625	21,500,000	625	21,500,000
- QNC	8	276,400	8	276,400
- PHH	800	22,400,000	800	22,400,000
- STK	1,500	74,600,000	1,500	74,600,000
Đầu tư ngắn hạn khác		-		-
- Cho Nhà xuất bản giáo dục vay		-		0
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		(102,272,500)		(101,809,400)
		16,503,900		16,967,000

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/10/2014
	VND	VND
Phải thu về lãi dự thu	38,750,000	-
Phải thu khác	4,989,146,974	6,230,054,941
- Phải thu Công ty CP Hồng Hà Dầu Khí ⁽¹⁾	4,640,708,942	5,472,614,689
- Phải thu các đối tượng khác	348,438,032	757,440,252
	5,027,896,974	6,230,054,941

⁽¹⁾Theo cam kết tại Hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công số 01/2012/HHTC-HĐCNV ngày 04/03/2012 và Biên bản thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí: Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí sẽ phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các khoản công nợ, nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác với bên thứ ba phát sinh và có nguồn gốc phát sinh tại Công ty TNHH Một thành viên Hồng Hà Thành Công từ ngày 31/03/2012 trở về trước. Do đó, Công ty sẽ theo dõi các khoản công nợ phát sinh từ trước ngày 31/03/2012 trên mã công nợ của Công ty Cổ Phần Hồng Hà Dầu khí

6 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/10/2014</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	38,069,277,557	31,069,749,552
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4,329,227,188	4,027,575,784
Thành phẩm	16,319,408,255	17,096,731,684
Hàng hoá	27,197,463,841	28,805,502,178
Hàng gửi đi bán	4,302,668,859	3,743,752,973
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(2,946,589,806)	(7,222,388,008)
	<u>87,271,455,894</u>	<u>77,520,924,163</u>

7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/10/2014</u>
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ⁽¹⁾	5,269,982,201	3,274,394,388
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	68,878,709	157,333,028
Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	313,149,091	739,203,473
Chi phí bán thảo, chi phí quản lý xuất bán chờ phân bổ ⁽²⁾	5,416,948,432	1,098,696,718
Chi phí làm nội thất tầng 08 tòa nhà HEID	-	-
	<u>11,068,958,433</u>	<u>5,269,627,607</u>

⁽¹⁾Riêng đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa Giá vốn hàng bán/(Giá vốn hàng bán + Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ).

⁽²⁾Trong đó, phí quản lý xuất bán được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong kỳ.

8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/10/2014</u>
	VND	VND
Thuế GTGT		72,238,686
Thuế thu nhập cá nhân	217,188,618	294,833,266
Các khoản khác phải thu Nhà nước	7,843,000	10,843,000
	<u>225,031,618</u>	<u>377,914,952</u>

Quyết toán thuế của đơn vị sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan Thuế

9 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/10/2014</u>
	VND	VND
Tạm ứng	208,000,000	153,540,000
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	-
	<u>208,000,000</u>	<u>153,540,000</u>

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<i>Nguyên giá</i>				
Số dư đầu kỳ	-	3,419,889,480	322,705,731	3,742,595,211
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
- Thanh lý	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	3,419,889,480	322,705,731	3,742,595,211
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>				
Số dư đầu kỳ	-	2,798,030,630	263,996,958	3,062,027,588
Số tăng trong kỳ	-	61,067,769	12,014,580	73,082,349
- Khấu hao trong kỳ	-	61,067,769	12,014,580	73,082,349
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	2,859,098,399	276,011,538	3,135,109,937
<i>Giá trị còn lại</i>				
Tại ngày đầu kỳ	-	621,858,850	58,708,773	680,567,623
Tại ngày cuối kỳ	-	560,791,081	46,694,193	607,485,274

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014	01/10/2014
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án nhà kho xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ⁽¹⁾	4,241,011,818	3,916,011,818
- Dự án Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa ⁽²⁾	300,000,000	300,000,000
	<u>4,541,011,818</u>	<u>4,216,011,818</u>

⁽¹⁾Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần in Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - TP. Hà Nội
- Diện tích khu đất là 7.662 m²
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan.
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: phần góp vốn của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội là 25% tương đương 1.915.500.000 VND.
- Theo hợp đồng này công ty thực hiện góp 90% theo yêu cầu của hợp đồng, tương ứng 1.723.950.000 VND

Trong năm 2013, theo biên bản họp ngày 06/06/2013 giữa 5 công ty trên đã thống nhất: Tiếp tục thực hiện dự án và cùng nhau đóng góp kinh phí để thực hiện các giai đoạn còn lại của Dự án; Riêng phần tham gia của Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam; Đồng ý ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần đầu tư IP Việt Nam để thực hiện dịch vụ xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng cho Dự án. Sau khi ký kết Biên bản này, Thực hiện theo các Công văn phân bổ kinh phí của Công ty Cổ phần in Sách giáo khoa tại TP. Hà Nội, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 401.000.000 VND.

Trong 9 tháng đầu năm 2014, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 1.791.061.818 VND. Tại thời điểm 31/12/2014, tổng số kinh phí của Công ty đã đóng góp để thực hiện dự án là 4.241.011.818 VND.

⁽²⁾Theo hợp đồng góp vốn số 1B/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng xây dựng công trình cao tầng tại quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc dự án "Xây dựng trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa"

12 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kì	87,244,777,643	87,244,777,643
Số tăng trong kỳ	-	-
- Tăng do điều chuyển từ Tài sản cố định hữu hình	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
- Giảm Tài sản cố định hữu hình	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>87,244,777,643</u>	<u>87,244,777,643</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	8,724,477,750	8,724,477,750
Khấu hao trong kỳ	872,447,775	872,447,775
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>9,596,925,525</u>	<u>9,596,925,525</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	<u>78,520,299,893</u>	<u>78,520,299,893</u>
Tại ngày cuối kỳ	<u>77,647,852,118</u>	<u>77,647,852,118</u>

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/10/2014
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	13,751,508,408	13,449,699,566
- Công ty CP Sách TBTH Hà Tây	13,074,081,916	12,726,114,661
- Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển giáo dục ⁽¹⁾	677,426,492	723,584,905
Đầu tư dài hạn khác	4,750,000,000	4,750,000,000
- Công ty CP Thiết bị Giáo dục II	3,000,000,000	3,000,000,000
- Công ty CP Dịch vụ Phát triển Xuất bản Giáo dục Hà Nội	750,000,000	750,000,000
- Công ty CP Sách Thiết bị trường học Hà Tây ⁽¹⁾	-	-
- Viện Công nghệ Giáo dục	-	-
- Công ty CP Tia sáng mới	1,000,000,000	1,000,000,000
	<u>18,501,508,408</u>	<u>18,199,699,566</u>

⁽¹⁾Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2014/HĐCN ngày 08/03/2014 và Giấy chuyển nhượng sở hữu cổ phần ngày 08/03/2014, Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã chuyển nhượng cho Công ty 60.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục, với giá bán là 10.700 VND/cổ phần

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/09/2014 như sau

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
CTCP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	40.24%	40.24%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học
CTCP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	22.47%	22.47%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị Giáo dục

(*)Theo Biên bản số 1997/BB-NXBGDVN ngày 20/11/2012 về việc quyết toán vốn góp vào viện Công nghệ Giáo dục, các bên đã thống nhất quyết toán, chấm dứt đầu tư và phân bổ chi phí đầu tư cho các bên. Trong đó, chi phí phân bổ cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục là 169.107.821 VND. Số chi phí này đã được Công ty hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ. Số tiền còn lại của khoản đầu tư là 80.892.179 VND đã được hoàn trả bằng tiền mặt vào tháng 12 năm 2012

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/09/2014 như sau

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản

14 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
	VND
Số dư đầu kì	21,149,793,655
Số tăng trong kỳ	3,695,311
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(2,559,509,511)
	18,593,979,455

15 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/10/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	73,028,743,301	51,459,723,490
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- CN Hà Nội ⁽¹⁾	73,028,743,301	51,459,723,490
- Ngân hàng SHINHAN BANK ⁽²⁾	15,829,326,057	9,842,248,052
	88,858,069,358	61,301,971,542

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

⁽¹⁾ Hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐ TDHM-HEID ngày 01/07/2014 giữa Bên cho vay là Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Hà Nội và bên đi vay là Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội, với các điều khoản cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 120 tỷ VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: đến ngày 30/06/2015;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu kinh doanh
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 08 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức đảm bảo tiền vay là tín chấp;

⁽²⁾ Hợp đồng tín dụng số 130000220577 ngày 31/07/2014 giữa Bên cho vay là Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt nam và bên đi vay là Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội, với các điều khoản cụ thể như sau:

- Hạn mức tín dụng: 21 tỷ VND;
- Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: đến ngày 29/04/2015
- Mục đích sử dụng tiền vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ nhu cầu kinh doanh
- Thời hạn cho vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa là 06 tháng;
- Lãi suất được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tất cả các quyền, quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán/cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu và được ghi trong sổ kế toán của bên thế chấp tại thời điểm hiện tại hoặc trong tương lai với giá trị ít nhất tương đương 30 tỉ VND

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/10/2014</u>
	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1,370,874,647	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	363,378,056	2,437,136,519
Thuế Thu nhập cá nhân	428,544,453	357,747,843
Các loại thuế khác	-	-
	<u><u>2,162,797,156</u></u>	<u><u>2,794,884,362</u></u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/10/2014</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí tăng công in	-	192,500,000
Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, quản lý xuất bán	1,900,031,011	3,235,652,225
Trích trước chi phí tăng chiết khấu phát hành	730,811,463	4,754,173,300
Trích trước chi phí vận chuyển	1,000,823,811	-
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	101,883,916	-
Chi phí phải trả khác	145,000,000	1,913,547,500
	<u><u>3,878,550,201</u></u>	<u><u>10,095,873,025</u></u>

18 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/10/2014</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	322,165,574	592,357,327
Bảo hiểm xã hội	-	2,808,530
Bảo hiểm y tế	-	450,226
Bảo hiểm thất nghiệp	-	102,777
Cổ tức phải trả cổ đông năm 2011	-	-
Cổ tức phải trả cổ đông năm 2010	-	-
Phải trả, phải nộp khác	351,081,657	1,579,600,942
- Phải trả CTCP Hồng Hà Dầu khí	321,533,057	1,358,254,460
- Phải trả khác	29,548,600	221,346,482
	<u><u>673,247,231</u></u>	<u><u>2,175,319,802</u></u>

19 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/10/2014</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	-	-
- Vay ngân hàng công thương Việt Nam	-	-
	<u>-</u>	<u>-</u>
	<u>-</u>	<u>-</u>

Là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 02-2012/HĐ TDTM-HEID ngày 20/04/2012, với các điều khoản chi tiết sau

- Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: mua lại 100% vốn của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng;
- Lãi suất cho vay cho hạn: Lãi suất thả nổi;
- Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp tài sản của bên vay vốn, bao gồm:
 Toàn nhà K3B Thành Công tại địa chỉ K3B ngõ 6A, phố Thành Công, Phường Thành Công, quận Ba Đình, TP Hà Nội, giá trị tài sản đảm bảo: 87.959.857.253 VND.
 Quyền phải thu từ hợp đồng cho thuê văn phòng của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công.
 Toàn bộ phần vốn góp của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công, giá trị 110.000.000.000 VND.
- Dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2014 là: 10.000.000.000 VND.

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150,000,000,000	24,166,950	(3,200,876,950)	4,118,859,101	10,595,660,942	5,603,518,211	33,248,543,331	200,389,871,585
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	31,572,824,927	31,572,824,927
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	2,943,969,899	3,126,164,272	1,563,082,136	(7,633,216,307)	-
Trả cổ tức năm 2012 bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	(18,939,180,000)	(18,939,180,000)
Tạm ứng cổ tức năm 2013 bằng tiền cho NXBGDVN	-	-	-	-	-	-	(8,389,800,000)	(8,389,800,000)
Trích tạm ứng cổ tức năm 2011 cho các Cổ đông khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4,689,246,408)	(4,689,246,408)
Số dư đầu năm nay	150,000,000,000	24,166,950	(3,200,876,950)	7,062,829,000	13,721,825,214	7,166,600,347	25,169,925,543	199,944,470,104
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	29,327,908,939	29,327,908,939
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	1,976,262,479	6,249,634,199	3,103,923,891	(11,329,820,569)	-
Trả cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	-	(13,463,100,000)	(13,463,100,000)
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(9,482,604,860)	(9,482,604,860)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	17,263,373	17,263,373
Số dư cuối kỳ này	150,000,000,000	24,166,950	(3,200,876,950)	9,039,091,479	19,971,459,413	10,270,524,238	20,239,572,426	206,343,937,556

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/10/2014 VND
Nhà xuất bản giáo dục VN	37.29%	55,932,000,000	37.29%	55,932,000,000
Các cổ đông khác	59.84%	89,754,000,000	59.84%	89,754,000,000
Cổ phiếu quỹ	2.88%	4,314,000,000	2.88%	4,314,000,000
	100%	150,000,000,000	100%	150,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150,000,000,000	150,000,000,000
- Vốn góp đầu năm	150,000,000,000	150,000,000,000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	150,000,000,000	150,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	13,463,100,000	27,328,980,000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	13,463,100,000	18,939,180,000
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay	-	8,389,800,000
	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2014 VND	01/10/2014 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15,000,000	15,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15,000,000	15,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	15,000,000	15,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	431,400	431,400
- Cổ phiếu phổ thông	431,400	431,400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14,568,600	14,568,600
- Cổ phiếu phổ thông	14,568,600	14,568,600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10,000	10,000

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	50,158,756,022	45,111,232,551
- <i>Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	6,110,678,452	1,782,047,023
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục</i>	1,157,711,947	946,895,670
- <i>Doanh thu sách tham khảo</i>	9,404,584,055	5,498,870,892
- <i>Doanh thu lịch blog, nhượng bán vật tư</i>	33,485,781,568	36,883,418,966
Doanh thu cung cấp dịch vụ	(440,546,515)	463,300,986
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Doanh thu Bất động sản đầu tư	3,022,103,454	1,974,390,364
Doanh thu bán hàng nội bộ	175,411,800	263,609,790
	52,915,724,761	47,812,533,691

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	664,564,334	2,469,639,236
Hàng bán bị trả lại	95,966,550	124,863,525
	760,530,884	2,594,502,761

23 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	49,398,225,138	42,516,729,790
- <i>Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	5,933,202,979	(585,067,802)
- <i>Doanh thu thiết bị giáo dục</i>	1,157,711,947	946,895,670
- <i>Doanh thu sách tham khảo</i>	8,821,528,644	5,271,482,956
- <i>Doanh thu lịch blog, nhượng bán vật tư</i>	33,485,781,568	36,883,418,966
Doanh thu cung cấp dịch vụ	(440,546,515)	463,300,986
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Doanh thu Bất động sản đầu tư	3,022,103,454	1,974,390,364
Doanh thu bán hàng nội bộ	175,411,800	263,609,790
	52,155,193,877	45,218,030,930

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa	43,873,113,284	39,843,434,723
- <i>Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ</i>	<i>(497,462,475)</i>	<i>2,279,248,469</i>
- <i>Giá vốn thiết bị giáo dục</i>	<i>480,493,951</i>	<i>750,354,259</i>
- <i>Giá vốn sách tham khảo</i>	<i>5,901,801,299</i>	<i>3,722,179,105</i>
- <i>Giá vốn lịch blog, nhượng bán vật tư</i>	<i>37,988,280,509</i>	<i>33,091,652,890</i>
Giá vốn của hoạt động xây lắp	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	763,059,091	591,677,273
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	958,811,412	872,447,775
	<u>45,594,983,787</u>	<u>41,307,559,771</u>

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	111,416,133	149,027,729
Cổ tức, lợi nhuận được chia	877,500,000	506,250,000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	<u>988,916,133</u>	<u>655,277,729</u>

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	1,250,664,321	1,207,896,001
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	-
Dự phòng các khoản đầu tư	463,100	(1,838,937,162)
Chi phí tài chính khác	-	9,852,093
	<u>1,251,127,421</u>	<u>(621,189,068)</u>

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/10/2014 đến 31/12/2014	Từ 01/10/2013 đến 31/12/2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	1,108,725,330	312,705,684
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	14,568,600	14,568,600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	76	21

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

29 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách giáo dục và sách khác, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2013 đến 31/12/2013 .

Hà nội, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Kế toán trưởng



Dương Thị Việt Hà

